TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 403/2022/DS-ST
Ngày: 08-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hoàng Liễu, bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 606/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2022/QĐST-DS ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Hà Thị Em L, sinh năm 1964; Địa chỉ: Ấp An Q, xã An Th, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Văn bản ủy quyền lập ngày 16/12/2021 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh T – Là Luật sư của công ty luật TNHH MTV Nam Thanh thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2/ Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: E12/6A1, Ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/ Ông Lâm Văn D; Địa chỉ: Ấp An Q, xã An Th, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt)

3.2/ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1968; Địa chỉ: E12/6A1, Ấp A, xã Vĩnh L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai; các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án – nguyên đơn bà Hà Thị Em L và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H trình bày:

Tháng 10/2019, bà Nguyễn Thị Kim Th có vay của bà Hà Thị Em L số tiền 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng). Khi vay tiền bà Nguyễn Thị Kim Th có làm giấy và ký tên xác nhận tiền đã nhận số tiền vay, đồng thời hẹn đến ngày 17/11/2019 sẽ trả số tiền vay cho bà L. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền nhưng bà Th vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ mặc dù bà L đã nhiều lần nhắc nhở. Do bà Th vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà L khởi kiện yêu cầu bà Th trả số tiền nợ gốc là 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Trong thời gian Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì bà Th có trả cho bà L số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) nên nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho bà Hà Thị Em L số tiền nợ gốc còn nợ là 900.000.000 đồng (chín trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 17/11/2019 đến khi có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Yêu cầu thực hiện trả tiền một lần ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị Thu H trình bày: bà Hà xác định nội dung vụ án như trình bày của nguyên đơn. Việc vay tiền là giao dịch cá nhân giữa bà Hà Thị Em L với bà Nguyễn Thị Kim Th và tiền cho vay là tài sản riêng của cá nhân bà Hà Thị Em L nên nguyên đơn yêu cầu cá nhân bà Th có trách nhiệm trả nợ vay và lãi phát sinh cho bà Hà Thị Em L. Tuy nhiên, theo nội dung giấy vay tiền có mâu thuẫn về số tiền cho vay giữa phần ghi số (1.000.000.000) với phần ghi chữ (một tỷ 2 chục triệu đồng chẵn) nên để đảm bảo quyền lợi của các bên trong giao dịch, nguyên đơn xác định lại số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Do bà Th đã trả cho bà L phần nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) nên yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Em L tiền nợ gốc là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng) [Tiền lãi tương ứng với số tiền nợ gốc chưa trả là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) và trả lãi trong một năm kể từ ngày 17/11/2019 với lãi suất là 10%/năm]. Yêu cầu thực hiện trả tiền gốc và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – Luật sự Bùi Thanh T trình bày: thống nhất nội dung trình bày và yêu cầu của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa. Căn cứ tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là quan hệ vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Khi vay tiền bà Th có cam kết trả nợ vào ngày 17/11/2019 nhưng đến hạn trả nợ bà Th không thực hiện nghĩa vụ như cam kết. Do đó bà Th đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc chưa trả là có căn cứ. Hợp đồng vay tài sản giữa bà L với bà Th không thỏa thuận lãi nhưng bà Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ kéo dài gây thiệt hại cho bà L nên

nguyên đơn yêu cầu trả thêm tiền lãi là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th: quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn Nguyễn Thị Kim Th vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai ngày 16/12/2021 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Anh Dũng trình bày: ông Lâm Anh Dũng là chồng của bà Hà Thị Em L. Ông Dũng xác nhận việc vay tiền là giao dịch cá nhân giữa bà L với bà Th và số tiền bà L cho bà Th vay là tiền riêng của bà L, không phải tài sản chung của vợ chồng ông Dũng, bà L. Do đó, ông Dũng không có ý kiến và không có tranh chấp đối với số tiền mà bà L cho bà Th vay và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông Lâm Anh Dũng đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông Dũng trong các phiên hòa giải, xét xử.

Tại Công văn số 1070/UBND ngày 26/3/2022 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phúc đáp tình trạng đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị Kim Th (sinh năm 1967) thì ông Nguyễn Văn Minh (sinh năm 1968) là chồng của bà Nguyễn Thị Kim Th (đăng ký kết hôn ngày 05/01/2007). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Văn Minh tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông Minh vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như: Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã gửi cho Viện kiểm sát nhân dân huyện B, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về nội dung: sau khi phân tích, nhận định đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc cá nhân bà Th có trách nhiệm trả cho bà L số tiền gốc vay còn nợ là 880.000.000 (tám trăm tám mươi triệu) đồng và tiền lãi 88.000.000 (tám mươi tám triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Hà Thị Em L khởi kiện tranh chấp "hợp đồng vay tài sản" nên đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th có nơi cư trú tại huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Minh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với nguyên đơn bà Hà Thị Em L vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Anh Dũng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo đơn khởi kiện thì bà Hà Thị Em L yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th trả số tiền vay 1.020.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật (lãi tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng). Tuy nhiên, sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án bà L xác nhận bà Th đã trả cho bà L số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xác định lại số tiền vốn vay như đã trình bày trên nên nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th phải trả cho bà Hà Thị Em L số tiền nợ gốc còn nợ là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện thuộc phạm vi khởi kiện ban đầu là phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thì nguyên đơn bà Hà Thị Em L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Th trả tiền vay và tiền lãi phát sinh do bà Nguyễn Thị Kim Th làm giấy vay tiền đến hạn không trả. Thông báo thụ lý vụ án xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện đã được Tòa án tống đạt cho bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th nhưng đến hết thời hạn được thông báo bị đơn vẫn vắng mặt không có văn bản ghi ý kiến đối với

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu chứng cứ.

[4.2] Căn cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải đưa ra chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó có căn cứ hợp pháp. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ thu thập được có hồ sơ vụ việc.

Từ những căn cứ trên, xét thấy bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ chứng minh, không có ý kiến phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nên Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu thu thập được để xét xử vụ án là phù hợp pháp luật.

[4.3] Căn cứ nội dung Giấy viết tay (không xác định ngày, tháng, năm) có chữ ký xác nhận và dấu lăn tay tên Nguyễn Thị Kim Th (do nguyên đơn cung cấp) và trình bày của nguyên đơn thì có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị Kim Th có nhận của bà Hà Thị Em L số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và hẹn trả lại số tiền này vào ngày 17/11/2019. Xét nội dung giấy này thì các bên không xác định việc nhận tiền nhằm mục đích gì nhưng theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn thì việc bà Th xác nhận nhận tiền là bà Th vay tiền của bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th không có văn bản phản đối về nội dung vay tiền, cũng như phản đối về dấu lăn tay, chữ ký của người vay tên Nguyễn Thị Kim Th. Do đó, có căn cứ xác định việc xác nhận nhận tiền của bà Nguyễn Thị Kim Th với bà Hà Thị Em L là quan hệ vay tài sản với nhau nên nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 là có căn cứ phù hợp pháp luật. Xét về nội dung giấy vay tiền này thì việc thực hiện hợp đồng vay tiền giữa bà Th với bà L là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu đòi lại số tiền cho vay còn nợ của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ nội dung thỏa thuận tại giấy vay tiền nêu trên thì bà Nguyễn Thị Kim Th hẹn trả lại số tiền đã nhận vay cho bà Hà Thị Em L vào ngày 17/11/2019. Tuy nhiên, theo sự thừa nhận của nguyên đơn thì đến tại phiên tòa nay bà Th vẫn còn nợ số tiền vốn vay là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng). Như vậy, bà Nguyễn Thị Kim Th đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên bà Hà Thị Em L yêu cầu trả số tiền vốn vay còn là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi vay của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: "*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên tổng số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*".

Như phân tích trên, hợp đồng vay tiền giữa bà Th với bà L là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà L yêu cầu bà Th trả lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét yêu cầu trả số tiền lãi phát sinh 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng) của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy: bà Th có cam kết trả số tiền vay đã nhận của bà L vào ngày 17/11/2019 nhưng đến nay bà Th chỉ trả số tiền vốn gốc cho bà L được 120.000.000 đồng và vẫn còn nợ số tiền 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) chưa trả. Như vậy, tính ngày xét xử vụ án thì bà Th đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc cho bà L hơn 02 năm và áp dụng mức lãi suất theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để xác định số tiền lãi mà bà Th phải trả lớn hơn số tiền lãi mà của nguyên đơn yêu cầu tại phiên tòa. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu trả tiền lãi như trên là tự nguyện không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và xét thấy không cần thiết phải tính chính xác số tiền lãi theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Em L. Buộc bà Th có trách nhiệm trả cho bà L số tiền còn nợ là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng). Trường hợp bà Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải trả lãi theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ trả tiền, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn (hoặc đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) đều xác nhận giao dịch vay tiền là giao dịch cá nhân giữa bà Th với bà L, chồng của bà Th và chồng của bà L không liên quan nên yêu cầu cá nhân bà Th có trách nhiệm trả nợ vay và lãi vay. Đồng thời tại văn bản tự khai ông Lâm Văn Dũng (chồng bà L) xác nhận tài sản cho vay là tài sản riêng của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên buộc cá nhân bà Th có trách nhiệm trả tiền cho bà L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị Em L được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 71; Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 244; Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Em L đối với bà Nguyễn Thị Kim Th về việc đòi số tiền nợ gốc và lãi vay theo giấy nhận tiền (không ghi ngày, tháng, năm) có chữ ký và dấu lăn tay của bà Nguyễn Thị Kim Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà Hà Thị Em L số tiền vốn và lãi vay là 968.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi tám triệu đồng). Trong đó tiền vốn vay là 880.000.000 đồng (tám trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 88.000.000 đồng (tám mươi tám triệu đồng). Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Kim Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.040.000 đồng (bốn mươi mốt triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng).

- Hoàn lại cho bà Hà Thị Em L số tiền tạm ứng án phí 22.800.000 đồng (Hai mươi hai triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0080652 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thế Dũng